TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2018/HNGĐ-ST
Ngày 05-11-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Tâm;

2. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Tố Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa*:** Bà Đặng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 711/2018/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2018về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Giáp Thị T, sinh năm 1978; thường trú: Thôn C, xã S, huyện T, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn V , sinh năm 1975; thường trú: Thôn H, xã C, huyện L, tỉnh B; tạm trú: Số 29/11A, khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29 tháng 6 năm 2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Giáp Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn V tự nguyện tìm hiểu nhau và đăng ký kết hôn vào năm 2017 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04 ngày 07/02/2017 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh B.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu v ợ chồng chung sống tại Số 29/11A, khu phố Đ, phường T, thị xã D , tỉnh B. Cuộc sống vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn từ lúc mới kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị tính tình không hợp, thường xuyên c ãi nhau, những lúc gay g ắt còn đánh nhau và anh V thường đe dọa giết chị, có lúc đến nơi chị là m việc có hành vi xúc phạm chị, từ đó tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị T yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai này 27/7/2018 anh Nguyễn Văn V trình bày: Thống nhất với phần trình b ày của chị T về thời gian tìm hiểu và kết hôn . Vợ chồng chung sống đến tháng 6/2018 thì chị T dọn nhà đi nơi khác sinh sống nhưng không cho chồng biết đã đi đâu . Quá trình vợ chồng chung sống có những lúc bất đồng quan điểm nguyên nhân do chị T tính tình bảo thủ, anh khuyên chuyện gì cũng không nghe lời, không biết quan tâm, chăm sóc chồng. Về bản thân anh V luôn quan tâm, chăm sóc vợ , nhưng lúc vợ chồng cã i nhau anh có lỡ lời xúc phạm làm chị T giận mặc dù anh đã xin lỗi nhưng ch ị vẫn không tha thứ. Anh V nhiều lần liên lạc nhưng chị T luôn tránh né nên anh có đem ảnh cưới đ ến công ty chị làm để trả lại thì chị T lại xem hành động này là sỉ nhục chị. Anh V có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và nêu ý kiến đồng ý ly hôn với chị T.

*Ngày 11/8/2018, Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, quá trình chung sống giữa anh Nguyễn Văn V và chị Giáp Thị T tại UBND phường T và được cung cấp:*Thời gian anh chị sinh sống tại địa phương , chính quyền không nhận được yêu cầu nào giải quyết mâu thuẫn giữa hai anh chị.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật về tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn chị Giáp Thị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải; bị đơn anh Nguyễn Văn V cũng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ các đi ều 207 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn V và chị Giáp Thị T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S , huyện T, tỉnh B theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04vào ngày 07/02/2017 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn chị T trình bày, vợ chồng chung sống với nhau nhưng thường xuyên c ãi nhau, anh V không tôn trọng mà còn thường xúc phạm chị . Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng tại địa phương,

chính quyền địa phương xác định không nhận được thông tin trình báo về mâu thuẫn vợ chồng của anh V, chị T. Xét thấy, mặc dù vợ chồng chị T và anh V kết hôn chưa lâu, chỉ hơn một năm nhưng cả hai đều trình bày cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, hiện tại chị T đi đâu , làm gì anh V không rõ. Anh V cũng thừa nhận những lúc vợ chồng bất đồng quan điểm a nh có lời lẽ xúc phạm chị. Hiện nay anh V đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh V và chị T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không tranh chấp nên Tòa án không giải quyết.

[5] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An về việc giải quyết vụ án.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Giáp Thị T phải chịu án phí ly hôn theo theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm a Khoản 5 và Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147, các điều 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Giáp Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn V (Giấy chứng nhận kết hôn số 04 vào ngày 07/02/2017 do Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh B cấp).

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài s ản (nợ chung): Đương sự không có tranh chấp nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩ m: Chị Giáp Thị T chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0019732 ngày 05/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Dĩ An (01);
- CCTHA DS thị xã Dĩ An (01);
- UBND xã S, huyện T, tỉnh B (01);
- Đương sự (02);
- Lưu: VT, HS (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Mỹ Thanh